

Read the pinyin and match the images.

1	dǎ bàngqiú	•	•	
2	yóuyóǒng	•	•	
3	pǎobù	•	•	
4	tán gāngqín	•	•	
5	tī zúqiú	•	•	
6	chànggē	•	•	
7	dǎ lánqiú	•	•	
8	huà huà	•	•	
9	tiàowǔ	•	•	